

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01/02/2024

"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Quang Khuyển.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Quốc Quý, bà Nguyễn Thị Hoài.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên toà: Bà An Thị Hà Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 179/2023/TLST-HN/GĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **An Thị D**- sinh năm 1973

Nơi cư trú: Thôn C, xã Th, huyện M, tỉnh D.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn B**- sinh năm 1971

Nơi cư trú: Thôn C, xã Th, huyện M, tỉnh D.

Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B vắng mặt lần hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị An Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 17/10/1991 và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi cưới vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh B thường xuyên rượu chè nhiều lần đánh đập chị thậm tệ, vì con chị cố chịu đựng để con có bố, có mẹ nhưng cuộc sống hôn nhân ngày càng đi vào bế tắc, chị không thể chịu đựng được nữa đã thuê nhà trọ ở không dám về nhà. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2023 đến nay, việc của ai người đó làm, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh B không còn, không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục duy trì được thêm nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh B không đến Tòa án để giải quyết ly hôn là cố tình gây khó khăn cho chị trong

việc ly hôn. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Chiến H, sinh ngày 09/7/1993 và cháu Phạm Chiến N, sinh ngày 06/02/1997, đều đã trưởng thành và có việc làm nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Quá trình làm việc và quá trình chuẩn bị xét xử vụ án,** Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn là anh Phạm Văn B và đã giao các văn bản tố tụng cho anh B biết, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh B đều vắng mặt, không hợp tác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và giao gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung liên quan đến vụ án. Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh B vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập họp lệ hai lần anh B đến phiên tòa nhưng anh B đều không có mặt tại phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Đỗ Thị D và bà An Thị T là em ruột và là di ruột của Chị D trình bày: Quá trình chung sống Chị D và anh B đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 5/2023, sau khi anh B đánh đập Chị D đã bỏ nhà đi thuê nhà trọ ở và làm công ty, vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay Chị D xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của Chị D. Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Chiến H và Phạm Chiến N, đều đã trưởng thành. Về tài sản, nợ chung, công sức, các bà không nắm được.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Phạm Thị T và bà An Thị V là em ruột và là em dâu của anh B trình bày: Trong thời gian chung sống anh B Chị D thường xuyên cãi nhau, nhiều lần thôn đã hòa giải, chị em cũng góp ý, anh chị mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 5/2023, Chị D đã bỏ đi chỗ khác ở và từ đó mỗi người ở một nơi. Nay Chị D xin ly hôn anh B đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải cho anh chị về đoàn tụ. Anh B, Chị D có 02 con chung là cháu Phạm Chiến H và cháu Phạm Chiến N, đều đã trưởng thành. Về tài sản, nợ chung, công sức, các chị không nắm được.

Kết quả làm việc tại chính quyền địa phương và các đoàn thể có liên quan của xã Cao Thắng cung cấp: Anh B, Chị D có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa phương. Anh B, Chị D mâu thuẫn cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được. Khi mâu thuẫn anh chị không đề nghị địa phương và các đoàn thể hoà giải. Nay Chị D xin ly hôn anh B đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị về đoàn tụ, nếu anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56

Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Xử cho chị An Thị D được ly hôn anh Phạm Văn B.

Về con chung: Không phải giải quyết.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Chị An Thị D, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị An Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị An Thị D có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn B; Nơi cư trú: Thôn C, xã Th, huyện M, tỉnh D; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị An Thị D nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định. Quá trình thu thập chứng cứ anh B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh B không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai anh vắng mặt không có lý do, chị An Thị D có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị An Thị D và anh Phạm Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 17/10/1991. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào trình bày của Chị D, phản ánh của đại diện hai bên gia đình và tài liệu thu thập chứng cứ có cơ sở xác định trong quá trình chung sống, Chị D xác định vợ chồng sống vui vẻ, hòa thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, anh B thường xuyên rượu chè, nhiều lần đánh đập chị, cuộc sống hôn nhân ngày càng bế tắc, chị phải đi thuê nhà trọ ở, không dám về nhà, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2023 không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án anh B vắng mặt và không gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung của vụ án thể hiện anh không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhưng anh B đều vắng mặt, và cũng không có văn bản ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của Chị D, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh B vẫn không hợp tác. Nhận thấy hôn nhân giữa Chị D và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của Chị D, nên xử cho chị An Thị D được ly hôn anh Phạm Văn B là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị D xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Chiến H, sinh ngày 09/7/1993 và cháu Phạm Chiến N, sinh ngày 06/02/1997, đều trưởng thành, có việc làm nên không phải giải quyết.

[4] *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Chị D không yêu cầu nên nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị An Thị D khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- *Về hôn nhân*: Xử cho chị An Thị D được ly hôn anh Phạm Văn B.

2- *Về con chung*: Không phải giải quyết.

3- *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Chị An Thị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4- *Về án phí*: Chị An Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai số AA/2022/0001434 ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, Chị D đã nộp đủ án phí.

5- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện;
(để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Quang Khuyến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đào Quang Khuyến